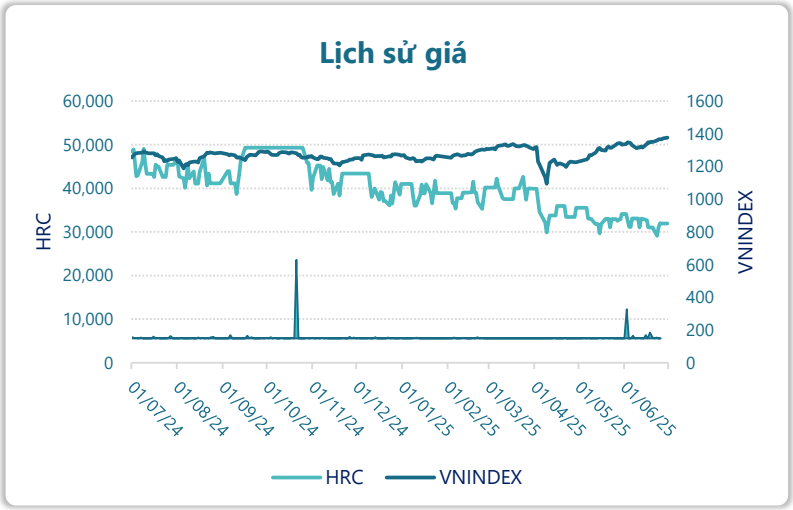
FireAnt

CTCP Cao su Hòa Bình (HSX: HRC)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**31,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	49,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	29,100
SL cổ phiếu LH	30,206,622
KLGD BQ 20 phiên (CP)	690
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	964
P/E	13.9
EPS	2,298

DT thuần

Q2/25

59.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 22.2| 59.4%

YoY: ▲ 41.2| 225%

LN sau thuế

Q2/25

3.32

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.89| 132%

YoY: ▲ 2.82| 564%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

10.5%

+/- YoY: ▼ 1.4%

DT thuần

6T 2025

96.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 49.6| 105%

LN sau thuế

6T 2025

4.75

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.84| 421%

ROE

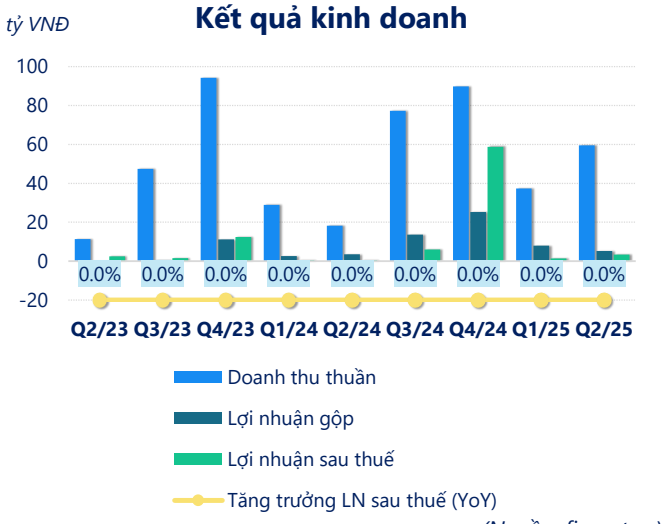
Q2/25

12.2%

+/- YoY: ▲ 9.4%

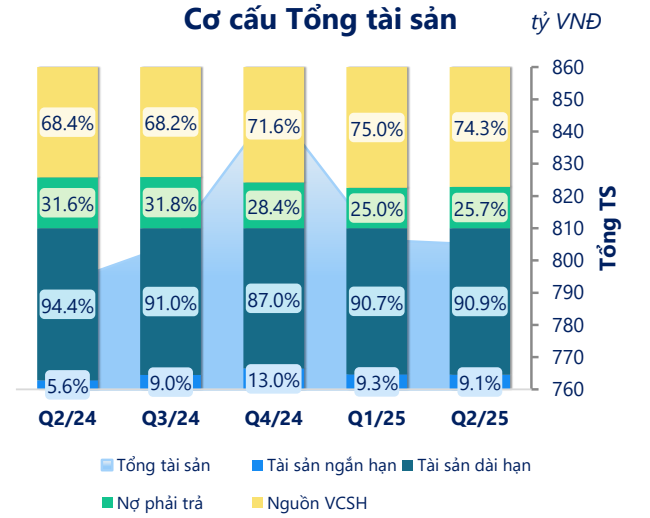
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



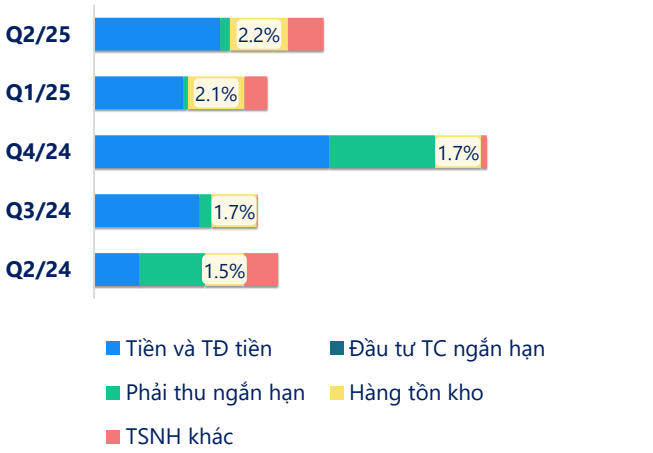
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



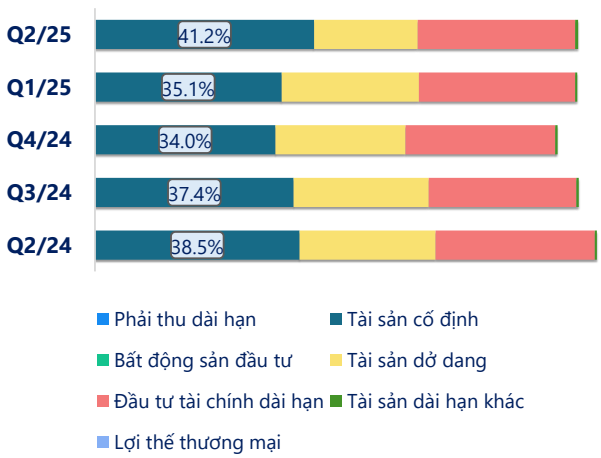
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



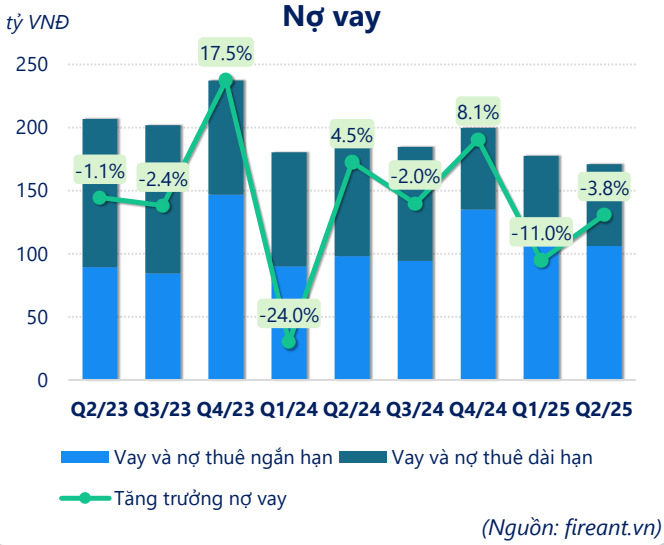
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



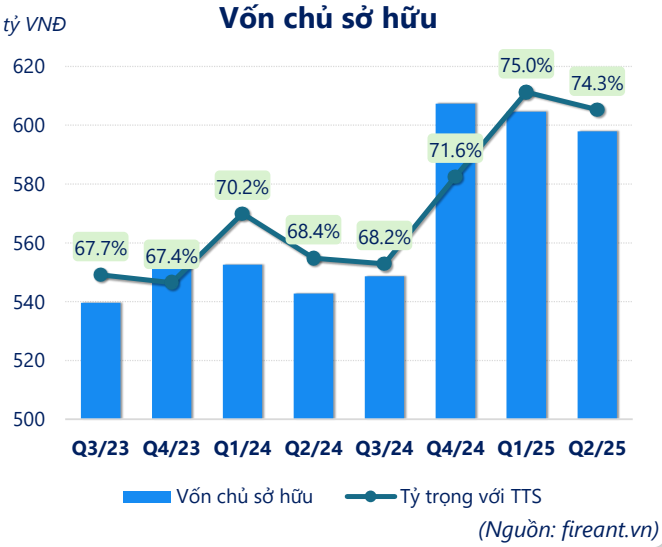
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



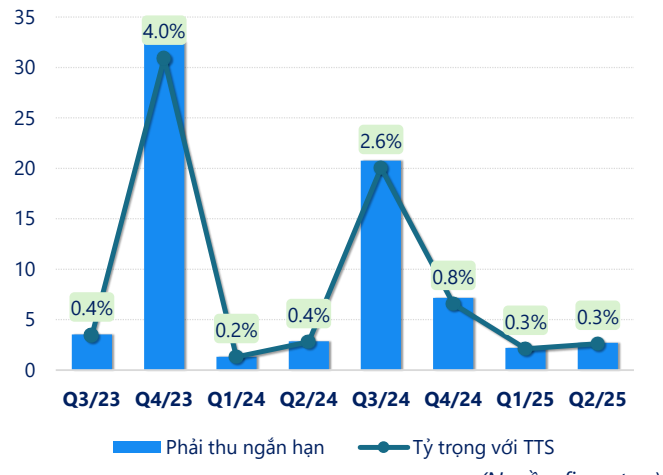
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



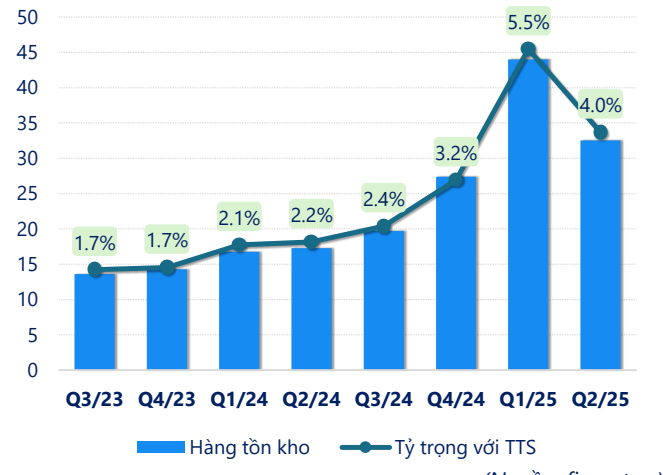
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



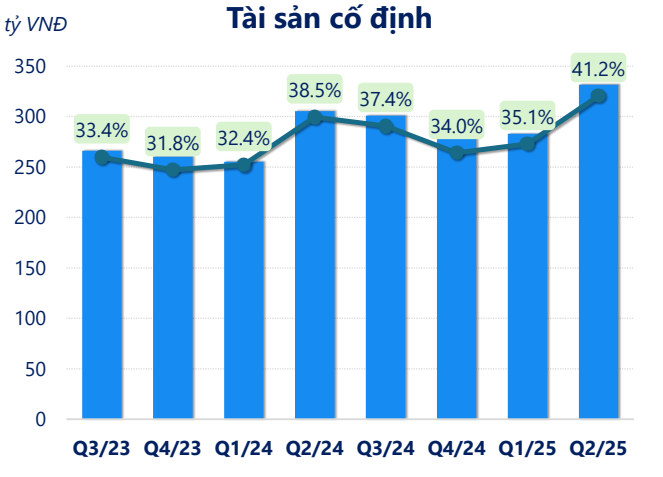
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



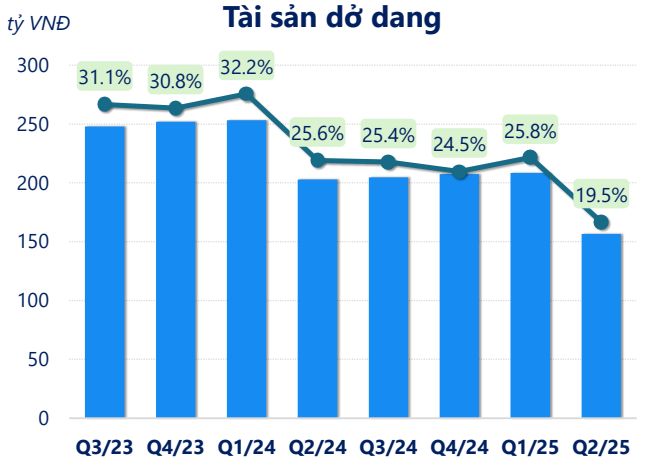
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



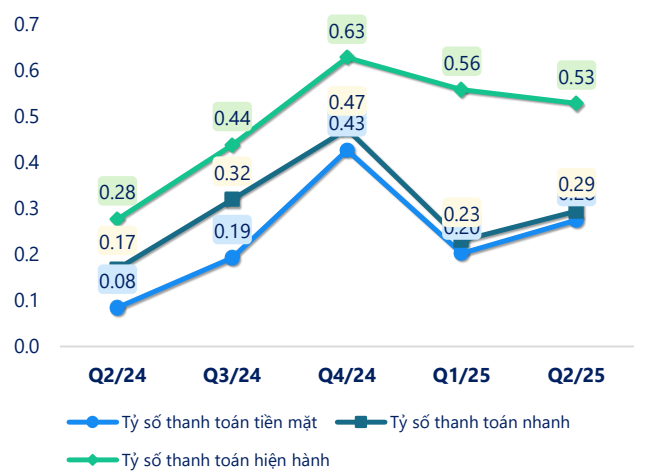
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



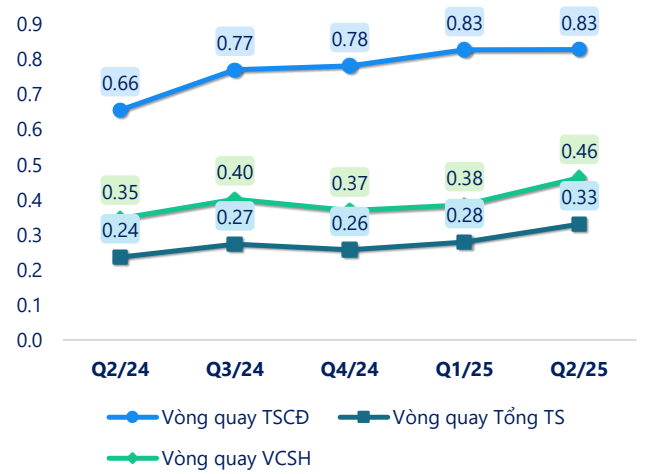
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**793**	**805**	**848**	**806**	**805**
Tài sản ngắn hạn	**44.4**	**72.7**	**110**	**74.8**	**73.5**
Tiền và tương đương tiền	13.6	31.9	75.0	27.1	38.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	2.85	20.8	7.17	2.21	2.72
Hàng tồn kho	17.3	19.7	27.4	44.0	32.5
Tài sản ngắn hạn khác	10.7	0.27	0.83	1.51	0
Tài sản dài hạn	**749**	**732**	**738**	**732**	**731**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	305	301	288	283	332
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	203	205	207	208	157
Đầu tư tài chính dài hạn	238	223	239	237	239
Tài sản dài hạn khác	3.12	3.52	3.58	3.58	4.48
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**251**	**256**	**241**	**202**	**207**
Nợ ngắn hạn	**160**	**166**	**176**	**134**	**139**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	98.2	94.4	135	113	106
Phải trả người bán ngắn hạn	0.56	2.76	5.00	1.05	6.49
Nợ dài hạn	90.3	90.3	64.7	67.8	67.8
Vay và nợ thuê dài hạn	90.3	90.3	64.7	64.7	64.7
Nguồn vốn chủ sở hữu	**543**	**549**	**607**	**605**	**598**
Vốn chủ sở hữu	**543**	**549**	**607**	**605**	**598**
Vốn điều lệ	302	302	302	302	302
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)